

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2010**

**THÁNG 04 NĂM 2011**

# MỤC LỤC

<b>I. Lịch sử hoạt động</b> .....	<b>2</b>
1. Những sự kiện quan trọng .....	2
2. Quá trình phát triển .....	3
3. Định hướng phát triển .....	5
<b>II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị</b> .....	<b>6</b>
1. Nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010 .....	6
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	6
3. Kế hoạch năm 2011 .....	7
<b>III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b> .....	<b>7</b>
1. Báo cáo tình hình tài chính .....	7
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	8
3. Những tiến bộ đã đạt được .....	8
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 .....	9
<b>IV. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b> .....	<b>10</b>
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	
2. Báo cáo kiểm toán	
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
○ <i>Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	
○ <i>Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	
○ <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	
○ <i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	
<b>V. Các Công ty có liên quan</b> .....	<b>11</b>
<b>VI. Tổ chức và nhân sự</b> .....	<b>12</b>
1. Cơ cấu tổ chức của Công ty .....	12
2. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành .....	12
3. Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc hiện nay .....	12
4. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc .....	15
5. Số lượng CBCNV .....	15
6. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị .....	15
<b>VII. Thông tin Cổ đông và Quản trị Công ty</b> .....	<b>16</b>
1. Hội đồng Quản trị .....	16
2. Ban Kiểm soát .....	18
3. Các dữ liệu thống kê về Cổ đông .....	20



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA (BHS)  
NĂM 2010**

### **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

#### **1. Những sự kiện quan trọng:**

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xây dựng từ năm 1969 với tiền thân là Nhà máy đường 400 tấn, sản phẩm chính lúc bấy giờ là đường ngà, rượu mùi, bao đay.

Đến năm 1971-1972, đầu tư Nhà máy đường tinh luyện.

Năm 1994, nhà máy Đường Biên Hòa đổi tên thành Công ty Đường Biên Hòa.

Năm 1995, để mở rộng sản xuất Công ty Đường Biên Hòa tiến hành đầu tư mở rộng công suất sản xuất đường luyện tại Biên Hòa từ 200 tấn/ngày lên 300 tấn/ngày và khởi công xây dựng nhà máy Đường Tây Ninh (hiện nay là Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh). Sau hơn hai năm thiết kế, thi công và lắp đặt, Nhà máy Đường Tây Ninh đã chính thức đi vào hoạt động ngày 26/03/1998 với công suất chế biến là 2.500 tấn mía/ngày, đến năm 2001 đã đầu tư nâng công suất chế biến lên 3.500 tấn mía/ngày. Năm 1997, thành lập Nông trại mía Thành Long với diện tích 960 ha. Tháng 11/2007 Công ty mua lại Công ty Mía Đường Trị An thành lập Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An.

Ngày 27/03/2001, theo Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đường Biên Hòa thành Công ty cổ phần, quá trình cổ phần hóa Công ty đã diễn ra và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 16/05/2001. Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ra đời.

Trụ sở chính và các Chi nhánh của Công ty như sau:

- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.

- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009.
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.
- Công ty con - Công ty TNHH một thành viên Biên Hòa - Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900854955 ngày 8 tháng 12 năm 2009.
- Công ty con - Công ty TNHH một thành viên Hải Vi: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900244283-1 ngày 29 tháng 07 năm 2010.

Ngày 30/08/2006, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành số 51/UBCK-ĐKPH. Công ty đã phát hành bổ sung cổ phần để huy động vốn, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 81.000.000.000 đồng lên 162.000.000.000 đồng.

Ngày 21/11/2006, Chủ tịch UBCK Nhà nước đã có Quyết định số 79/UBCK-GPNY v/v cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM vào ngày 20/12/2006 với mã chứng khoán BHS, đây là một sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của Công ty.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2007 v/v chi trả cổ tức đợt cuối năm 2006 mức 4% vốn điều lệ bằng cổ phiếu, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2008 v/v chi trả cổ tức đợt cuối năm 2007 mức 10% vốn điều lệ bằng cổ phiếu, qua 02 đợt tăng vốn điều lệ theo hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu, vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 185.316.200.000 đồng.

## **2. Quá trình phát triển:**

### **2.1. Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường.
- Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.

- Cho thuê kho bãi. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Dịch vụ vận tải. Dịch vụ ăn uống.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

## 2.2. Tình hình hoạt động:

### Tổng quan :

Trong thời gian từ thời điểm thành lập Công ty cổ phần đến nay, tình hình hoạt động SXKD ít ổn định vì nguồn nguyên liệu mía cây, đường nguyên liệu không ổn định, thị trường đường diễn biến phức tạp vì ảnh hưởng bởi Thị trường đường nước ngoài và tình trạng đường nhập lậu cũng như giá cả biến động của hàng hóa Nông sản (mì lát, cao su, lúa). Từ năm 2004 đến nay các chỉ số về Doanh thu, Lợi nhuận trước thuế, Vốn chủ sở hữu, Vốn điều lệ thực hiện như sau:

*Dvt : Tỷ đồng*

Năm	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu
2004	485,790	18,757	81,000	64,684
2005	543,335	37,286	81,000	108,628
2006	767,947	51,528	162,000	353,311
2007	643,351	53,633	168,477	376,513
2008	792,245	(43,121)	185,316	331,060
2009	1.191,283	128,123	185,316	425,466
2010	2.016,398	168,670	185,316	499,678

Tuy vậy, nhìn chung tình hình SXKD của Công ty đảm bảo có lãi ở mức tối thiểu tỷ suất lợi nhuận trên vốn khoảng trên 14% năm trở lên.

### Các thành tích đạt được:

Trải qua một quá trình phấn đấu đầy khó khăn và thử thách, Công ty đã tự khẳng định, đứng vững và phát triển. Ý chí quyết tâm cao của toàn thể Cán bộ CNV và Ban lãnh đạo Công ty đã được đáp lại bằng những thành quả sau:

- Công ty được tổ chức BVQi cấp giấy chứng nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vào ngày 03/02/2000.

- Công ty được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới” vào ngày 07/11/2000.
- Công ty là đơn vị duy nhất trong toàn ngành đường có sản phẩm được bình chọn liên tục trong 14 năm liền là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” (1997-2010). Năm 2006 nằm trong TOP 100 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam được người tiêu dùng bình chọn do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức, năm 2007 nằm trong 100 thương hiệu dẫn đầu được người tiêu dùng bình chọn do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.
- Năm 2004 - 2007, Công ty được bình chọn và được trao cúp vàng “Top Ten Thương Hiệu Việt” do Hội Sở hữu Công nghiệp Việt Nam - Mạng thương hiệu Việt bình chọn.
- Năm 2005 - 2007, nhận danh hiệu “Thương hiệu nổi tiếng” do Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin bình chọn.
- Năm 2006 - 2007, nhận danh hiệu “Nhãn hiệu cạnh tranh nổi tiếng”, doanh nghiệp Việt Nam uy tín - chất lượng năm 2007.
- Năm 2006 đạt Cúp vàng “Vi sự tiến bộ xã hội và phát triển bền vững”.
- Năm 2004 - 2008, nhận danh hiệu Bạn Nhà Nông.
- Sao vàng đất Việt năm 2008.
- Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu năm 2008.
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

### **3. Định hướng phát triển:**

#### **3.1. Mục tiêu chủ yếu:**

- Phát triển vùng nguyên liệu mía.
- Đầu tư các Dự án nhằm giảm chi phí sản xuất.
- Sử dụng vốn hiệu quả cao, tỷ suất lợi nhuận trên vốn tối thiểu từ 15-20% năm.

#### **3.2. Chiến lược phát triển:**

Với các mục tiêu chủ yếu trên, Công ty nhận thấy cần có những chiến lược phát triển sau đây:

- Phát triển vùng nguyên liệu mía: để đạt được mục tiêu cần tập trung chuyên canh mía, tăng năng suất và chất lượng mía, cố gắng đáp ứng đủ nguyên liệu cho hai Nhà máy sản xuất hết công suất máy móc thiết bị. Nguyên liệu mía là yếu tố sống còn đối với Nhà máy đường. Bằng nhiều biện pháp như: hỗ trợ không hoàn lại cho Nông dân (mía giống, phân bón,...), cung ứng vốn trồng mía với lãi suất hợp lý, các biện pháp khuyến nông, tăng giá

thu mua mía phù hợp cạnh tranh được với các cây trồng khác, đồng thời mở rộng quỹ đất trồng mía thông qua mua 100% Công ty TNHH Hải Vi.

- Đầu tư các Dự án nhằm giảm chi phí sản xuất:

Đang triển khai đầu tư các Dự án chủ yếu sau:

- Dự án nâng công suất Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh lên 4.000 tấn mía/ngày (TMN).
  - Dự án nâng công suất Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An lên 2.000 TMN.
  - Dự án tiết kiệm năng lượng và nâng công suất tại Phân xưởng Đường luyện.
  - Dự án cải tạo môi trường và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải.
  - Mở rộng quỹ đất trồng mía,...
- Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh hợp lý, áp dụng các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp hiện đại. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

### **1. Nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010:**

- Vùng nguyên liệu mía được khôi phục và mở rộng.
- Lợi nhuận thực hiện cao nhất từ trước đến nay.
- Mua lại Công ty con: Công ty TNHH Một Thành viên Hải Vi.
- Hoàn thiện các quy chế quản trị Công ty phù hợp.
- Thành lập Ban Quan hệ Cổ đông.

### **2. Tình hình Thực hiện so với Kế hoạch:**

Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 được Thực hiện đạt và vượt Kế hoạch:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đvt</b>	<b>NQ ĐHCĐ</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(4/3)
1. Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.539.338	2.013.415	131
2. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	80.000	168.669	211

### 3. Kế hoạch năm 2011:

Hoạt động SXKD chủ yếu trong lĩnh vực Mía - Đường.

- Sản xuất: 54.000 tấn đường thô và 100.000 tấn đường tinh luyện.
- Kinh doanh: 22.000 tấn đường các loại.
- Chỉ tiêu Tài chính:
  - Doanh thu thuần: 2.171 tỷ đồng.
  - Lợi nhuận trước thuế: 147 tỷ đồng.
  - Cổ tức: 3.500 đồng/CP.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2009	Năm 2010
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		39,80	39,05
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		60,20	60,95
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		51,91	51,01
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		48,09	48,99
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,99	0,81
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,93	1,96
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		13,57	14,60
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		9,98	7,31
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH		28,22	29,79
5	Khả năng tăng trưởng	%		
	- Tổng tài sản		47,82	15,29
	- Vốn điều lệ		-	-
	- Doanh thu		48,89	69,19



## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

### Tổng quan:

Đánh giá chung kinh tế - xã hội năm 2010, Chính phủ đã thống nhất nhận định nền kinh tế đất nước phát triển theo chiều hướng tích cực, phục hồi khá nhanh trong điều kiện kinh tế Thế giới vẫn còn tiếp tục khắc phục suy thoái. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,78%, bình quân đầu người đạt 1.168USD/năm. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, nhập siêu tăng, tỷ lệ lạm phát 11,75% ảnh hưởng đến đời sống người lao động, an sinh xã hội bị ảnh hưởng.

Đối với ngành mía - đường Thế giới: Diễn biến hết sức phức tạp, quan hệ Cung - Cầu đường tiếp tục thiếu hụt, tỷ giá các ngoại tệ mạnh thay đổi,... góp phần làm cho giá đường tăng liên tục và mạnh mẽ, đỉnh điểm giá đường cao nhất trong vòng 30 năm.

Đối với ngành mía - đường Việt Nam: Diện tích trồng mía cho vụ ép 2010 - 2011 có xu hướng tăng, nhưng sản lượng và chất lượng mía suy giảm vì nhiều lý do. Năm 2010, nguồn cung đường sản xuất trong nước không đủ cung ứng nhu cầu tiêu dùng nên Chính phủ đã cho phép nhập khẩu 300.000 tấn đường các loại, trong đó Công ty CP Đường Biên Hòa được nhập khẩu 30.000 tấn, nhưng chỉ sử dụng được 22.350 tấn. Tuy nhiên, giá đường trong nước vẫn luôn đứng ở mức cao, giá cuối năm so với đầu năm tăng khoảng 17 - 20% .

### Kết quả thực hiện:

Chỉ tiêu	Đvt	NQ ĐHCĐ	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(4/3)
1. Sản lượng SX Đường tinh luyện	Tấn	90.000	98.123	109
2. Sản lượng SX Đường thô	Tấn	37.500	31.750	85
3. Sản lượng TT đường tinh luyện	Tấn	90.000	98.288	109
4. Sản lượng TT đường kinh doanh	Tấn	22.000	28.900	131
<b>5. Doanh thu thuần</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>1.539.338</b>	<b>2.013.415</b>	<b>131</b>
<b>6. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>80.000</b>	<b>168.669</b>	<b>211</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Lợi nhuận từ SXKD		80.000	164.255	
- Lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán		-	4.414	
7. Quỹ tiền lương	Triệu đồng	67.420	67.292	100
- Tiền lương b/quân(tháng)	Đồng/người		6.000.000	
8. Nộp Ngân sách	Triệu đồng	52.018	73.797	142

## 3. Những tiến bộ đã đạt được:

- Phát triển ổn định vùng nguyên liệu mía.

- Tiết giảm chi phí sản xuất.
- Sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả.

#### 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

##### Tổng Quan :

Nền kinh tế nước ta, năm 2011 sẽ phát triển ổn định. Các chính sách kinh tế vĩ mô sẽ tập trung ổn định nền kinh tế, kiềm chế lạm phát.

Ngành mía - đường Việt nam vẫn chưa đột phá thoát tình cảnh hiện nay, nguyên liệu mía không đáp ứng sản xuất của các Nhà máy, cung đường không đủ cầu. Chính phủ phải điều tiết bằng chính sách mở cửa Nhập khẩu đường. Do đó, nhiều khả năng, thị trường đường Việt Nam bị ảnh hưởng mạnh bởi thị trường đường Thế giới, nhất là các nước có xuất khẩu đường mạnh như: Thái lan, Ấn độ, Úc.

##### Mục tiêu cơ bản:

- Phát triển vùng nguyên liệu mía về chất lượng.
- Sử dụng vốn hiệu quả cao, tỷ suất lợi nhuận trên vốn khoảng 20%/năm.

##### Các Chỉ tiêu chủ yếu năm 2011:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2011
(1)	(2)	(4)
1. Sản lượng SX Đường tinh luyện	Tấn	100.000
2. Sản lượng SX Đường thô	Tấn	54.000
3. Sản lượng tiêu thụ đường tinh luyện	Tấn	100.000
4. Sản lượng tiêu thụ đường kinh doanh	Tấn	22.000
5. Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.171.398
6. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	147.000
7. Quỹ tiền lương	Triệu đồng	80.000
- Tiền lương b/quân(tháng)	Đồng/người	6.500.000
8. Cổ tức	%	35
9. Nộp Ngân sách	Triệu đồng	52.018

##### Các Dự án đầu tư:

Trong dài hạn: triển khai Dự án đầu tư sản xuất mía - đường tại Campuchia, tổng vốn đầu tư 500 tỷ đồng. Hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý về đầu tư ra nước ngoài, thủ tục thuê đất, khai hoang để phát triển mía - đường tại Campuchia.

#### Các giải pháp thực hiện:

- Phát triển vùng mía nguyên liệu:
  - Tập trung nhóm giải pháp:trồng - chăm sóc - thu hoạch. Xây dựng mục tiêu chất lượng tăng 5% sản lượng đường/ha mía so với vụ trước.
  - Đồng thời sớm xây dựng và công bố chính sách đầu tư trồng mía và chính sách thu mua mía, kể cả phương pháp lấy mẫu và đo chữ đường cho Nông dân trong vùng mía qui hoạch.
- Sử dụng vốn có hiệu quả cao:
  - Theo dõi sát diễn biến của Thị trường đường thế giới và trong nước, chính sách điều hành vĩ mô của Chính phủ.
  - Phân tích thông tin và dự báo kịp thời tình hình thị trường đường.
  - Củng cố và nâng cao thương hiệu Đường Biên hòa.
  - Triển khai xây dựng Hệ thống phân phối sản phẩm tiên tiến phù hợp.
  - Tăng cường công tác Quản trị về công nghệ đường, quản trị về kỹ thuật canh tác mía và giống mía nhằm tăng năng suất, tiết giảm chi phí sản xuất trên đơn vị sản phẩm.
  - Triển khai các dự án đúng mục tiêu và kịp tiến độ nhằm sớm khai thác có hiệu quả.
- Các giải pháp khác:
  - Phát triển nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.
  - Thực hiện đúng những qui định của Nhà nước về môi trường và thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội.

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN:**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa bao gồm:**

- Báo cáo của Tổng Giám đốc	Trang 1 -3
- Báo cáo kiểm toán	Trang 4
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	Trang 5-8
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	Trang 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	Trang 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	Trang 11 - 29

***Được trình bày đính kèm bao gồm 29 trang như sau:***

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 185.316.200.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Các Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

### **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

#### **2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phạm Thị Sum	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Chủ	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Nguyễn Xuân Trinh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Văn Lang	Thành viên
Ông Thái Văn Trường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Phạm Công Hải	Thành viên
Ông Trần Tấn Phát	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/3/2010)
Ông Hồ Doãn Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/3/2010)
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 15/3/2010)
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 28/6/2010)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Lộc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Lang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

#### **3. Tình hình kinh doanh năm 2010**

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

#### **4. Cam kết của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

### 5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Biên Hòa, ngày 2 tháng 3 năm 2011



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN VĂN LỘC**

Số: 11.102A/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** **Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 29 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2011

  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV Đ. 0067/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**NGÔ THANH BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>621.675.067.872</b>	<b>532.632.377.622</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>58.715.074.785</b>	<b>86.126.277.361</b>
1. Tiền	111		21.021.465.707	22.126.277.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.693.609.078	64.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>265.738.591.717</b>	<b>241.481.270.130</b>
1. Phải thu khách hàng	131		52.573.698.173	81.771.274.409
2. Trả trước cho người bán	132		141.542.960.961	149.441.721.542
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		71.811.210.927	10.370.242.842
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(189.278.344)	(101.968.663)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>293.294.485.453</b>	<b>201.271.427.516</b>
1. Hàng tồn kho	141		293.294.485.453	201.271.427.516
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.926.915.917</b>	<b>3.753.402.615</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.222.012.594	1.472.234.407
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	704.903.323	2.281.168.208

(phần tiếp theo trang 06)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>398.348.035.089</b>	<b>352.107.784.344</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	5.5	<b>65.945.864.185</b>	<b>52.749.681.540</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218		76.557.753.919	62.687.990.974
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(10.611.889.734)	(9.938.309.434)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>276.843.147.883</b>	<b>263.749.797.795</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	219.856.575.116	236.628.760.887
+ Nguyên giá	222		489.780.827.745	477.806.521.750
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(269.924.252.629)	(241.177.760.863)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	13.591.165.650	9.328.149.896
+ Nguyên giá	228		18.518.781.931	12.994.688.800
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.927.616.281)	(3.666.538.904)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	43.395.407.117	17.792.887.012
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.9	<b>51.217.600.000</b>	<b>34.354.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		22.000.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		48.358.701.076	60.845.515.864
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.141.101.076)	(26.491.515.864)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.341.423.021</b>	<b>1.254.305.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.087.118.011	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.10	1.254.305.010	1.254.305.010
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.020.023.102.961</b>	<b>884.740.161.966</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>520.345.337.002</b>	<b>459.273.773.550</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>405.194.030.976</b>	<b>334.913.657.539</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	224.775.330.583	256.259.701.621
2. Phải trả người bán	312	5.12	39.059.817.248	24.893.790.942
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	49.497.537.329	7.447.052.420
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.13	18.527.751.660	5.282.658.509
5. Phải trả người lao động	315	5.14	7.728.496.156	15.633.774.473
6. Chi phí phải trả	316	5.15	15.776.793.510	8.856.459.075
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	45.729.979.407	13.473.739.558
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.17	4.098.325.083	3.066.480.941
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>115.151.306.026</b>	<b>124.360.116.011</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	114.541.165.363	123.913.296.174
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		610.140.663	446.819.837
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.19.1	<b>499.677.765.959</b>	<b>425.466.388.416</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>499.677.765.959</b>	<b>425.466.388.416</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.19.2	185.316.200.000	185.316.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		154.476.840.000	154.476.840.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(1.852.417.625)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.083.053.253	27.632.282.412
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.351.743.071	6.910.585.120
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.19.5	106.449.929.635	52.982.898.509
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.020.023.102.961</b>	<b>884.740.161.966</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.175.327.188	2.175.327.188
5. Ngoại tệ các loại + USD		60.142,21	85.211,41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Biên Hòa, ngày 2 tháng 3 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.016.397.664.758	1.191.282.895.429
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.982.528.820	1.834.934.997
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.013.415.135.938	1.189.447.960.432
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.763.289.250.401	1.027.577.201.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		250.125.885.537	161.870.759.316
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.785.046.874	13.581.013.334
7. Chi phí tài chính	22	6.4	46.355.699.172	3.273.653.661
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<b>42.526.788.304</b>	<b>17.801.118.387</b>
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	26.003.196.785	18.791.298.089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	26.930.005.688	25.507.241.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		168.622.030.766	127.879.579.044
11. Thu nhập khác	31	6.7	4.649.043.757	274.129.037
12. Chi phí khác	32	6.8	4.601.202.251	31.045.455
13. Lợi nhuận khác	40		47.841.506	243.083.582
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		168.669.872.272	128.122.662.626
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	19.797.141.655	8.035.976.607
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		148.872.730.617	120.086.686.019

Biên Hòa, ngày 2 tháng 3 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**VÕ CÔNG MINH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN LỘC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.177.328.474.959	1.219.467.845.079
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(1.400.264.977.563)	(991.408.567.126)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(72.401.108.632)	(41.418.642.713)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(42.330.474.752)	(16.281.007.594)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(14.222.537.334)	(7.084.444.383)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.845.728.000.627	2.126.227.834.099
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.347.095.842.154)	(2.304.835.748.844)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD</b>	<b>20</b>		<b>146.741.535.151</b>	<b>(15.332.731.482)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(7.320.762.535)	(5.186.198.734)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		4.748.333.993	36.570.001
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(141.672.988.558)	(96.087.544.600)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		104.571.640.892	70.711.876.202
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(26.346.000.000)	(1.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		20.335.000.000	3.066.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.715.917.523	3.130.985.230
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(40.968.858.685)</b>	<b>(25.527.711.901)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		973.537.827.653	624.566.472.375
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.043.456.490.702)	(498.661.320.137)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62.594.878.900)	(18.453.969.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(132.513.541.949)</b>	<b>107.451.183.238</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(26.740.865.483)</b>	<b>66.590.739.855</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>86.126.277.361</b>	<b>19.559.334.401</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(670.337.093)	(23.796.895)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	5.1	<b>58.715.074.785</b>	<b>86.126.277.361</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
 \_\_\_\_\_  
**VÕ CÔNG MINH**

Biên Hòa, ngày 2 tháng 3 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

  
**NGUYỄN VĂN LỘC**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

*Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở và nhà máy đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 185.316.200.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Các Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất các sản phẩm mía đường.

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ cạnh tác cơ giới nông nghiệp.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán và đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Đối với các tài sản cố định hữu hình trực tiếp tham gia sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An: từ năm tài chính 2009, Công ty đã chuyển đổi từ phương pháp khấu hao đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo số lượng theo Quyết định số 010/2009/QĐ-BHS-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2008 của Hội Đồng Quản Trị. Theo đó, mức khấu hao định mức là 548 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và 765 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Trị An.

Đối với các tài sản cố định còn lại: nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

*Năm 2010*

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 15 năm
+ Máy móc thiết bị	2 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải	3 – 7 năm
+ Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
+ Chi phí đền bù, giải tỏa	5 – 20 năm



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### 4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí hỗ trợ đầu tư được ghi nhận theo phương pháp dự chi và kết chuyển toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế.

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi đầu tư trồng mía là lãi phải thu từ khoản ứng vốn cho nông dân trồng mía và được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

### 4.11. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
  - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
  - Ưu đãi, miễn giảm thuế:
    - Đối với hoạt động sản xuất:
      - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 12 năm, kể từ năm 2001 là 15%.
      - Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.
    - Đối với hoạt động thương mại:
      - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 10 năm, kể từ năm 2001 là 20%.
      - Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo.
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2010 và năm 2011 đối với hoạt động sản xuất; năm 2009 và năm 2010 đối với hoạt động thương mại do có chứng khoán niêm yết lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 153/TCT-PC ngày 14/1/2010 của Tổng Cục Thuế.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

#### Bảng cân đối kế toán

	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
A. Nợ phải trả	459.273.773.550	456.207.292.609
I. Nợ ngắn hạn	334.913.657.539	331.847.176.598
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.066.480.941	-
B. Vốn chủ sở hữu	425.466.388.416	428.532.869.357
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	3.066.480.941
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3.066.480.941

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	1.677.314.121	4.062.911.974
Tiền gửi ngân hàng	19.344.151.586	18.063.365.387
Các khoản tương đương tiền	37.693.609.078	64.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.715.074.785</b>	<b>86.126.277.361</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu khách hàng	52.573.698.173	81.771.274.409
Trả trước cho người bán	141.542.960.961	149.441.721.542
Các khoản phải thu khác	71.811.210.927	10.370.242.842
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>265.927.870.061</b>	<b>241.583.238.793</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(189.278.344)	(101.968.663)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>265.738.591.717</b>	<b>241.481.270.130</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Các khoản phải thu khách hàng được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn – xem thêm mục 5.11.

Khoản mục Trả trước cho người bán đã bao gồm khoản ứng vốn ngắn hạn cho nông dân trồng mía tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An đến ngày 31/12/2010 là 56.720.907.533 đồng.

Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) về lô hàng xuất cho mượn (bao gồm giá vốn hàng hóa và thuế GTGT) – xem mục 5.16	64.427.181.154	-
Phải thu tiền vận chuyển chi hộ cho nông dân	4.862.309.858	1.728.734.517
Cho Công ty TNHH Hải Vi vay	1.007.100.000	-
Dự án Nhà ở cán bộ công nhân viên	699.816.435	699.816.435
Trả trước tiền mua lại phần vốn góp Công ty TNHH Hải Vi	-	6.500.000.000
Khác	814.803.480	1.441.691.890
<b>Cộng</b>	<b>71.811.210.927</b>	<b>10.370.242.842</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	132.673.621.795	98.967.672.439
Công cụ, dụng cụ	11.483.057.541	10.892.153.675
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	64.019.575.252	20.167.784.951
Thành phẩm	79.786.452.554	51.510.737.614
Hàng hóa	5.331.778.311	5.069.782.245
Hàng mua đi đường	-	14.663.296.592
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>293.294.485.453</b>	<b>201.271.427.516</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>293.294.485.453</b>	<b>201.271.427.516</b>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – xem thêm mục 5.11.

### 5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng công nhân viên	644.063.323	331.168.208
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	60.840.000	1.950.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>704.903.323</b>	<b>2.281.168.208</b>

### 5.5. Các khoản phải thu dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu dài hạn khác	76.557.753.919	62.687.990.974
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(10.611.889.734)	(9.938.309.434)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>65.945.864.185</b>	<b>52.749.681.540</b>

Phải thu dài hạn khác là khoản ứng vốn dài hạn cho nông dân trồng mía tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An.

(phần tiếp theo trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	114.958.849.635	347.989.038.155	10.175.302.217	4.683.331.743	477.806.521.750
Mua trong năm			889.978.172	484.458.432	1.374.436.604
Đầu tư XDCB hoàn thành		19.284.464.827			19.284.464.827
Thanh lý, nhượng bán	(6.261.071.251)	(427.210.846)	(10.112.000)	(98.718.351)	(6.797.112.448)
Giảm khác	-	(1.887.482.988)	-	-	(1.887.482.988)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>108.697.778.384</b>	<b>364.958.809.148</b>	<b>11.055.168.389</b>	<b>5.069.071.824</b>	<b>489.780.827.745</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	58.145.834.492	176.283.598.585	4.383.732.107	2.364.595.679	241.177.760.863
Khấu hao trong năm	5.486.757.909	25.138.855.571	1.066.310.192	338.173.407	32.030.097.079
Thanh lý, nhượng bán	(1.669.619.000)	(427.210.846)	(10.112.000)	(98.718.351)	(2.205.660.197)
Giảm khác	-	(1.077.945.116)	-	-	(1.077.945.116)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>61.962.973.401</b>	<b>199.917.298.194</b>	<b>5.439.930.299</b>	<b>2.604.050.735</b>	<b>269.924.252.629</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	56.813.015.143	171.705.439.570	5.791.570.110	2.318.736.064	236.628.760.887
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>46.734.804.983</b>	<b>165.041.510.954</b>	<b>5.615.238.090</b>	<b>2.465.021.089</b>	<b>219.856.575.116</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn là 160.454.616.897 đồng - xem thêm mục 5.18.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 62.612.959.880 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù, san lấp	Bản quyền Microsoft	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	10.168.071.758	2.826.617.042	-	12.994.688.800
Mua trong năm	-	-	933.091.931	933.091.931
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.591.001.200	-	-	4.591.001.200
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.759.072.958</b>	<b>2.826.617.042</b>	<b>933.091.931</b>	<b>18.518.781.931</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.081.362.520	1.585.176.384	-	3.666.538.904
Khấu hao trong năm	1.011.890.509	249.186.868	-	1.261.077.377
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.093.253.029</b>	<b>1.834.363.252</b>	<b>-</b>	<b>4.927.616.281</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	8.086.709.238	1.241.440.658	-	9.328.149.896
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.665.819.929</b>	<b>992.253.790</b>	<b>933.091.931</b>	<b>13.591.165.650</b>

Giá trị còn lại cuối năm của quyền sử dụng đất đã dùng thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 5.246.707.958 đồng - xem thêm mục 5.11.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 32.501.174 đồng.

**5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án Cụm Chế biến Công nghiệp Tây Sông Vàm Cỏ	17.931.926.132	15.083.667.296
- Chi phí đền bù, giải tỏa	10.767.611.513	10.872.177.451
- Chi phí lương	2.041.287.775	1.457.440.929
- Chi phí nhà tạm	659.205.885	611.560.909
- Chi phí tư vấn thiết kế	1.324.752.906	346.659.462
- Chi phí san lấp mặt bằng	1.896.932.728	-
- Chi phí khác	1.242.135.325	1.795.828.545
Dự án công suất 4.000 tấn mía/ngày tại Nhà máy Tây Ninh	10.637.821.542	-
Dự án công suất 2.000 tấn mía/ngày tại Nhà máy Trị An	7.475.288.986	-
Dự án tiết kiệm năng lượng	2.000.894.319	595.647.250
Dự án môi trường tại Trị An	1.024.098.729	-
Các dự án tại Xí nghiệp Thành Long	647.554.031	821.161.016
Các dự án khác	3.677.823.378	1.292.411.450
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.395.407.117</b>	<b>17.792.887.012</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	22.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	48.358.701.076	60.845.515.864
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>70.358.701.076</b>	<b>60.845.515.864</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(19.141.101.076)	(26.491.515.864)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>51.217.600.000</b>	<b>34.354.000.000</b>

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi với tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	48.358.701.076	60.675.515.864
Đầu tư trái phiếu	-	170.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.358.701.076</b>	<b>60.845.515.864</b>

### 5.10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2006, được khấu trừ từ năm 2012 đến năm 2014.

### 5.11. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	200.037.852.462	231.522.223.500
Vay dài hạn đến hạn trả - xem mục 5.18	24.737.478.121	24.737.478.121
<b>Tổng cộng</b>	<b>224.775.330.583</b>	<b>256.259.701.621</b>

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 12%/năm đến 15%/năm đối với khoản vay bằng VND và từ 4%/năm đến 6%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Các khoản phải thu khách hàng – xem thêm mục 5.2.
- Toàn bộ hàng tồn kho - xem thêm mục 5.3.
- Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 5.246.707.958 đồng - xem thêm mục 5.7.

### 5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	39.059.817.248	24.893.790.942
Người mua trả tiền trước	49.497.537.329	7.447.052.420
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.557.354.577</b>	<b>32.340.843.362</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Thuế giá trị gia tăng	6.853.121.897	3.942.487.841
Thuế tiêu thụ đặc biệt	67.933.751	344.712.060
Thuế nhập khẩu	4.238.991.404	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.526.136.545	951.532.224
Khác	841.568.063	43.926.384
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.527.751.660</b>	<b>5.282.658.509</b>

**5.14. Phải trả người lao động**

Là khoản thường năm 2010 còn phải trả.

**5.15. Chi phí phải trả**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Chi phí hỗ trợ đầu tư	14.553.336.822	4.487.934.880
Chi phí nước	697.999.239	1.500.000.000
Chi phí vận chuyển nội bộ	-	1.500.224.370
Khác	525.457.449	1.368.299.825
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.776.793.510</b>	<b>8.856.459.075</b>

**5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	71.192.104	264.253.630
Kinh phí công đoàn	260.000.000	180.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.534.390.000	641.740.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.864.397.303	12.387.745.928
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.729.979.407</b>	<b>13.473.739.558</b>

Các khoản phải trả, phải nộp khác chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng của Vinamilk	30.000.000.000	-
Vay quỹ tiết kiệm của Công đoàn	6.731.941.010	8.743.378.512
Cổ tức phải trả	3.609.961.700	1.344.170.600
Dự án nhà ở cán bộ công nhân viên	948.448.189	948.448.189
Khác	2.574.046.404	1.351.748.627
<b>Cộng</b>	<b>43.864.397.303</b>	<b>12.387.745.928</b>

Khoản tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng của Vinamilk liên quan đến lô hàng cho mượn – xem mục 5.2.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số dư đầu năm	3.066.480.941	170.314.209
Trích lập trong năm	8.420.983.624	3.500.000.000
Tăng khác	3.000.000	-
Sử dụng trong năm	(7.392.139.482)	(603.833.268)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.098.325.083</b>	<b>3.066.480.941</b>

**5.18. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vay ngân hàng	139.278.643.484	148.650.774.295
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả - xem mục 5.11	(24.737.478.121)	(24.737.478.121)
<b>Tổng cộng</b>	<b>114.541.165.363</b>	<b>123.913.296.174</b>

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay bằng VND có thời hạn từ 5 năm đến 20 năm với lãi suất từ 3,9%/năm đến 15%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 160.454.616.897 đồng - xem mục 5.6, và tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị được định giá là 65.728.000.000 đồng.

*(phần tiếp theo trang 23)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

#### 5.19. Vốn chủ sở hữu

##### 5.19.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	185.316.200.000	154.476.840.000		27.632.282.412	6.910.585.120	(43.276.152.510)	331.059.755.022
Tăng vốn trong năm trước						120.086.686.019	120.086.686.019
Lợi nhuận trong năm trước						(18.531.620.000)	(18.531.620.000)
Chia cổ tức						(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Trích lập quỹ							
Sử dụng quỹ							
Đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ			(1.852.417.625)				(1.852.417.625)
Khác						(1.796.015.000)	(1.796.015.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>154.476.840.000</b>	<b>(1.852.417.625)</b>	<b>27.632.282.412</b>	<b>6.910.585.120</b>	<b>52.982.898.509</b>	<b>425.466.388.416</b>
Tăng vốn năm nay							
Lợi nhuận trong năm						148.872.730.617	148.872.730.617
Chia cổ tức						(64.860.670.000)	(64.860.670.000)
Trích lập quỹ				15.450.770.841	3.441.157.951	(27.312.912.416)	(8.420.983.624)
Khác			1.852.417.625			(3.232.117.075)	(1.379.699.450)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>154.476.840.000</b>	<b>1.852.417.625</b>	<b>43.083.053.253</b>	<b>10.351.743.071</b>	<b>106.449.929.635</b>	<b>499.677.765.959</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.19.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	20.849.400.000	20.849.400.000
Vốn góp của các đối tượng khác	164.466.800.000	164.466.800.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>185.316.200.000</b>

### 5.19.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trên cổ phiếu phổ thông	64.860.670.000	18.531.620.000

Trong năm 2010, Công ty tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn chủ sở hữu. Cổ tức năm 2010 sẽ được công bố sau khi tổ chức Đại hội cổ đông năm 2011.

### 5.19.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	18.531.620	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	18.531.620	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	18.531.620	18.531.620
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

### 5.19.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	52.982.898.509	(43.276.152.511)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	148.872.730.617	120.086.686.019
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(15.450.770.841)	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(3.441.157.951)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.420.983.625)	(3.500.000.000)
Chia cổ tức	(64.860.670.000)	(18.531.620.000)
Chi khác	(3.232.117.074)	(1.796.015.000)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>106.449.929.635</b>	<b>52.982.898.509</b>

(phần tiếp theo trang 25)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng	1.996.873.404.492	1.182.393.127.276
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.524.260.266	8.889.768.153
Hàng bán bị trả lại	(1.737.035.091)	(308.961.163)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(1.245.493.729)	(1.525.973.834)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>2.013.415.135.938</u></b>	<b><u>1.189.447.960.432</u></b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn bán hàng	1.749.692.150.812	1.023.908.105.305
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.597.099.589	3.669.095.811
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.763.289.250.401</u></b>	<b><u>1.027.577.201.116</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi từ đầu tư trồng mía	12.171.403.487	7.490.640.438
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.516.941.536	1.972.211.082
Lãi đầu tư chứng khoán	711.700.000	164.993.500
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	285.470.170	2.591.419.927
Khác	1.099.531.681	1.361.748.387
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>17.785.046.874</u></b>	<b><u>13.581.013.334</u></b>

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	42.526.788.304	17.801.118.387
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư chứng khoán	(4.257.600.000)	(17.855.240.636)
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	555.000.000	2.587.894.136
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	7.025.222.086	728.540.294
Khác	506.288.782	11.341.480
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>46.355.699.172</u></b>	<b><u>3.273.653.661</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6.5. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	5.539.536.535	5.749.760.775
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	125.031.072	114.405.760
Chi phí khấu hao tài sản cố định	921.845.933	572.822.710
Chi phí tiếp thị, khuyến mãi	4.131.357.976	2.578.492.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.215.693.556	6.493.203.349
Chi phí bằng tiền khác	4.069.731.713	3.282.613.295
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.003.196.785</b>	<b>18.791.298.089</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	11.110.314.062	10.769.808.193
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	187.112.123	1.577.199.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	502.993.767	1.018.537.417
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	760.889.980	3.097.619.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.681.533.218	3.377.691.057
Chi phí bằng tiền khác	10.687.162.538	5.666.385.695
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.930.005.688</b>	<b>25.507.241.856</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.617.742.257	33.245.455
Thu nhập khác	31.301.500	240.883.582
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.649.043.757</b>	<b>274.129.037</b>

**6.8. Chi phí khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.591.452.251	29.545.455
Chi phí khác	9.750.000	1.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.601.202.251</b>	<b>31.045.455</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	168.669.872.272	128.122.662.626
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	13.884.480.674	16.339.133.917
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(41.929.747.605)
Trừ thu nhập khác (hoạt động thương mại và hoạt động khác)	(52.467.323.791)	(12.676.466.724)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	130.087.029.155	89.855.582.214
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	7,5%	7,5%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	9.756.527.187	6.739.168.666
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác (hoạt động thương mại và hoạt động khác)	5.926.436.570	1.296.807.941
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	4.114.177.898	-
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>19.797.141.655</b>	<b>8.035.976.607</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

Chi phí thuế thu nhập của các năm trước được tính theo Công văn số 10997/BTC-CST ngày 8/9/2006 của Kiểm toán Nhà nước. Theo công văn này, Công ty chỉ được thực hiện lần lượt từng loại ưu đãi thuế, không được cộng dồn ưu đãi cổ phần hóa và ưu đãi có cổ phiếu niêm yết lần đầu. Do đó, trong năm 2010 Công ty đã đóng thêm thuế TNDN năm 2007 là 4.114.177.898 đồng.

### 7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Mua công ty con		
▪ Tổng giá trị mua	22.000.000.000	-
▪ Giá trị mua được thanh toán bằng tiền	15.500.000.000	6.500.000.000
▪ Số tiền thực có trong công ty con vào ngày thụ đắc	69.666.069	-
▪ Phần giá trị tài sản và nợ phải trả không phải là tiền hoặc tương đương tiền trong công ty con vào ngày thụ đắc	117.141.653	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi	Công ty con
2. Tổng Công ty Mía đường II	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
3. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
4. Công ty Cổ phần SXTM Thành Thành Công	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu	10.754.144.122	13.210.146.285
Phải trả	5.645.032.851	4.480.603.426
Vay	56.711.603.662	82.005.000.000

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Bán hàng	116.474.318.436	41.639.274.053
Mua hàng	66.276.120.996	101.796.903.000
Chi phí lãi vay	13.360.650.811	4.909.443.343
Nhận tiền vay	311.319.668.888	70.483.000.000
Trả nợ vay	336.613.065.226	102.488.000.000

Công ty vay tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho đầu tư tài sản cố định. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay tài trợ cho tài sản cố định được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và thời gian hoàn trả trong vòng 8 năm.

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	1.440.000.000	1.320.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	965.761.064	446.729.415
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.405.761.064</b>	<b>1.766.729.415</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 9. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê cơ sở hạ tầng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.370.135.308	1.413.631.330

Tại ngày 31/12/2010, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.559.629.416	1.486.408.747
Trên 1 năm đến 5 năm	7.798.147.082	7.432.043.736
Trên 5 năm	54.587.029.577	53.510.714.901
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.944.806.075</b>	<b>62.429.167.384</b>

### 10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 11. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Kết quả kinh doanh năm 2010 (trước thuế) của Công ty lãi 168 tỷ đồng, tăng 40 tỷ đồng so với năm 2009, chủ yếu do giá bán đường bình quân tăng 31% làm doanh thu bán hàng tăng 69% so với năm 2009.

### 12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phát hành vào ngày 2 tháng 3 năm 2011.

Biên Hòa, ngày 2 tháng 3 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC



## V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần, vốn góp của tổ chức, Công ty khác:
  - Công ty TNHH Một Thành viên Hải Vi.
  - Công ty TNHH Một thành viên Biên Hòa - Thành Long.
- Công ty có trên 50%/vốn cổ phần do tổ chức, Công ty nắm giữ: không có.
- Tình hình đầu tư vào các Công ty có liên quan:

### **Giá trị đầu tư:**

	Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2009 (đồng)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	1.040.000	43.075.515.864
Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	480.000	17.600.000.000
Trái phiếu công trình		170.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>60.845.515.864</b>

	Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2010 (đồng)
Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi		22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	1.248.000	39.358.701.076
Công ty cổ phần Giao dịch hàng hóa Sài Gòn Thương Tín	750.000	9.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>70.358.701.076</b>

### **Dự phòng giảm giá cổ phiếu đã đầu tư:**

	Số lượng cổ phần	Giá trị dự phòng tại ngày 31/12/2009 (đồng)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	1.040.000	(18.011.515.864)
Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	480.000	(8.480.000.000)
<b>Tổng cộng</b>		<b>(26.491.515.864)</b>

	Số lượng	Giá trị dự phòng tại ngày 31/12/2010 (đồng)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	1.248.000	(19.141.101.076)
<b>Tổng cộng</b>		<b>(19.141.101.076)</b>

## VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Gồm có:

- Đại Hội đồng Cổ đông.
- Hội đồng Quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc: 1 Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng Giám đốc.
- Đơn vị sản xuất: 2 Nhà máy sản xuất đường thô, 1 Xí nghiệp Nông Nghiệp sản xuất mía, 1 Phân xưởng Đường tinh luyện, 1 Phân xưởng sản xuất rượu.
- Phòng ban chức năng: 11.
- Công ty TNHH Một thành viên: 2.

### 2. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành: không có

### 3. Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc hiện nay:

Ban Tổng Giám đốc gồm có 05 thành viên, bao gồm:

- |                           |   |
|---------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Văn Lộc     | Tổng Giám đốc.  |
| 2. Ông Nguyễn Thanh Cường | Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Sản xuất.                        |
| 3. Ông Bùi Văn Lang       | Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Kinh doanh.                      |
| 4. Ông Phạm Công Hải      | Phó Tổng Giám đốc<br>- Giám đốc NM Đường Biên Hòa - Tây Ninh. |
| 5. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn  | Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Tài chính.                       |

Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc:

#### **3.1. Ông Nguyễn Văn Lộc: Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	<b>NGUYỄN VĂN LỘC</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	13/09/1955
Nơi sinh:	Biên Hòa - Đồng Nai
CMND:	số 270.624.424, ngày cấp 08/01/2011, nơi cấp CA Đồng Nai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Địa chỉ thường trú:	09/02 KP I, P. Tân Hòa, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Số ĐT liên lạc:	061. 3836199
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Bourbon Tây Ninh

### **3.2. Ông Nguyễn Thanh Cường : Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	<b>NGUYỄN THANH CƯỜNG</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	26/05/1954
Nơi sinh:	Xã Liêm Hải - Huyện Trục Ninh - Tỉnh Nam Định
CMND:	số 270.624.414, ngày cấp 09/11/2006, nơi cấp CA Đồng Nai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	135 Cư xá Công ty CP Đường Biên Hòa, Biên Hòa - Đồng Nai
Số ĐT liên lạc:	061. 3836986
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không

### **3.3. Ông Bùi Văn Lang : Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên:	<b>BÙI VĂN LANG</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/02/1962
Nơi sinh:	Quảng Ngãi
CMND:	số 272.248.688, ngày cấp 20/06/2008, nơi cấp CA Đồng Nai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	9A2 khu Dân Cư An Bình, P. An Bình, Biên Hòa - Đồng Nai
Số ĐT liên lạc:	061. 3836994
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Chức vụ công tác hiện nay tại  
tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ công tác hiện đang  
nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

### **3.4. Ông Phạm Công Hải: Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **PHẠM CÔNG HẢI**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/02/1962

Nơi sinh: Tp. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

CMND: số 270.069.063, ngày cấp 11/05/2005, nơi cấp CA Đồng Nai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 103/23 tổ 06, KP3, P.Trung Dũng, Biên Hòa - Đồng Nai

Số ĐT liên lạc: 066. 3821995

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân QTKD

Chức vụ công tác hiện nay tại  
tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ công tác hiện đang  
nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

### **3.5. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn : Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **NGUYỄN HOÀNG TUẤN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/08/1977

Nơi sinh: Biên Hòa - Đồng Nai

CMND: số 271.242.958, ngày cấp 26/07/2004, nơi cấp CA Đồng Nai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 28A8 Khu dân cư An Bình, P. An Bình, Biên Hòa - Đồng Nai

Số ĐT liên lạc: 061. 3932765

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ công tác hiện nay tại  
tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ công tác hiện đang  
nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

#### 4. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc (tiền lương, tiền thưởng):

*Đvt: đồng*

Họ và Tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Cộng
Nguyễn Văn Lộc	Tổng Giám đốc	640.662.883	242.649.000	883.311.883
Bùi Văn Lang	Phó Tổng Giám đốc	378.965.883	143.505.000	522.470.883
Nguyễn Thanh Cường	Phó Tổng Giám đốc	402.446.153	149.166.000	551.612.153
Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	295.423.518	112.697.000	408.120.518
Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc	354.408.600	132.481.100	486.889.700

- Phân phối tiền lương, tiền thưởng cho Ban Tổng Giám đốc tuân theo qui chế Lao động và Quyết định khen thưởng của Hội đồng Quản trị.

#### 5. Số lượng CBCNV:

- Tổng số lao động có đến ngày 31/12/2010 là: 925 lao động.
- Tiền lương bình quân tháng/người trong năm là: 6.000.000 đồng.
- Chính sách đối với người lao động: Thực hiện đúng theo Thỏa ước lao động tập thể và Luật Lao động.

#### 6. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị :

- Miễn nhiệm Ông Trần Tấn Phát kể từ ngày 15/03/2010, theo Quyết định số 024/2010/BHS/QĐ-HĐQT ngày 15/03/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Bổ nhiệm Bà Đặng Huỳnh Úc My làm thành viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 15/03/2010, theo Quyết định số 025/2010/BHS/QĐ-HĐQT ngày 15/03/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Miễn nhiệm Ông Hồ Doãn Cường kể từ ngày 29/03/2010, theo Quyết định số 043/2010/BHS/QĐ-HĐQT ngày 29/03/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Bổ nhiệm Ông Trần Tấn Phát làm thành viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 09/04/2010, theo Quyết định số 045/2010/BHS/QĐ-HĐQT ngày 09/04/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Kim Trang kể từ ngày 28/06/2010, theo Quyết định số 076/2010/BHS/QĐ-HĐQT ngày 08/06/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Bổ nhiệm Bà Huỳnh Bích Ngọc làm thành viên Hội đồng Quản trị kể từ ngày 28/06/2010, theo Quyết định số 077/2010/BHS/QĐ-HĐQT ngày 08/06/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty.

## VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng Quản trị :

- Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ III (2007 - 2011), năm 2010 gồm 10 thành viên, trong đó có 07 thành viên độc lập không tham gia điều hành Công ty. Để tổ chức và thực hiện công việc có hiệu quả hơn, HĐQT đã thành lập Ban thường trực và 03 tiểu ban trực thuộc là: Tiểu ban Chiến lược và đầu tư (CL-ĐT), Tiểu ban Tài chính - Kinh Doanh (TC-KD), Tiểu ban Nguyên liệu, cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị Sum Chủ tịch HĐQT, Thành viên Tiểu ban CL-ĐT.
- Ông Nguyễn Bá Chủ Phó Chủ tịch thường trực, Trưởng Tiểu ban CL-ĐT.
- Ông Nguyễn Xuân Trinh Phó Chủ tịch, Trưởng Tiểu ban Nguyên liệu.
- Ông Nguyễn Văn Lộc Thành viên HĐQT.
- Ông Bùi Văn Lang Thành viên HĐQT, Trưởng Tiểu ban TC-KD.
- Bà Huỳnh Bích Ngọc Thành viên HĐQT, Thành viên Tiểu ban CL-ĐT.
- Bà Đặng Huỳnh Úc My Thành viên HĐQT, Thành viên Tiểu ban TC-KD.
- Ông Trần Tấn Phát Thành viên HĐQT, Thành viên Tiểu ban TC-KD.
- Ông Phạm Công Hải Thành viên HĐQT, Thành viên Tiểu ban Nguyên liệu.
- Ông Thái Văn Trọng Thành viên HĐQT, Thành viên Tiểu Ban TC-KD

- Thù lao và tiền thưởng của các thành viên Hội đồng Quản trị năm 2010, như sau:

*Đvt: đồng*

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng
1. Phạm Thị Sum	Chủ tịch	264.000.000	134.049.000	398.049.000
2. Nguyễn Bá Chủ	Phó Chủ tịch TT	180.000.000	92.035.000	272.035.000
3. Nguyễn Xuân Trinh	Phó Chủ tịch	180.000.000	92.035.000	272.035.000
4. Nguyễn Văn Lộc	Thành viên - TGD	108.000.000	54.024.000	162.024.000
5. Bùi Văn Lang	Thành viên - TTB	168.000.000	84.029.000	252.029.000
6. Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên	45.000.000	56.024.000	101.024.000
7. Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên	85.500.000	56.024.000	141.524.000
8. Trần Tấn Phát	Thành viên	103.500.000	56.024.000	159.524.000

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng
9. Hồ Doãn Cường	Thành viên	27.000.000	-	27.000.000
10. Phạm Công Hải	Thành viên	108.000.000	54.024.000	162.024.000
11. Nguyễn Thị Kim Trang	Thành viên	63.000.000	-	63.000.000
12. Thái Văn Trọng	Thành viên	108.000.000	56.024.000	164.024.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.440.000.000</b>	<b>734.292.000</b>	<b>2.174.292.000</b>

▪ Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Ngay từ sau Đại hội Cổ đông thường niên năm 2010, HĐQT được cơ cấu 10 thành viên, trong đó 7 thành viên độc lập. HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để đưa ra các giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2010 đề ra.

HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo qui định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp. Điều chỉnh sửa đổi các Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với thực tế, phù hợp với các qui định của Nhà nước.

HĐQT tổ chức các Tiểu ban: Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư, Tiểu ban Nguyên liệu và Tiểu ban Tài chính - Kinh doanh để thuận tiện cho việc giám sát triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chương trình công tác hàng quý của HĐQT.

Hoạt động cụ thể trong năm 2010:

- Tổng số lần họp (định kỳ, đột xuất và họp thường trực): 40 kỳ.
- Ban hành các văn bản: 136 văn bản liên quan các lĩnh vực như: Quy chế quản lý nội bộ, Đầu tư XDCB, Sản xuất kinh doanh, Tài chính, Vùng nguyên liệu mía, Bộ máy tổ chức - nhân sự, xin ý kiến Cổ đông,...
- Giám sát và hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành: đánh giá chung Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông và các Quyết định của HĐQT.

▪ Thông tin về tỷ lệ sở hữu cổ phần và giao dịch cổ phiếu:

Họ và tên	Số CP nắm giữ 03/03/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số CP nắm giữ 15/03/2011
1. Phạm Thị Sum	131.406		6	131.400
2. Nguyễn Bá Chủ (*)	2.276.008	-	720.986	1.555.022
3. Nguyễn Xuân Trình	45.817	-	-	45.817

Họ và tên	Số CP nắm giữ 03/03/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số CP nắm giữ 15/03/2011
4. Nguyễn Văn Lộc	11.440	-	-	11.440
5. Bùi Văn Lang	44.320	-	7.500	36.820
6. Huỳnh Bích Ngọc	417.817	-	-	417.817
7. Đặng Huỳnh Úc My (*)	2.038.156	816.000	1.000.000	1.854.156
6. Trần Tấn Phát (*)	1.415.189	2.699.994	-	4.115.183
8. Phạm Công Hải	33.124	-	-	33.124
10. Thái Văn Trọng (*)	2.050.620	-	-	2.050.620
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.463.897</b>	<b>3.515.994</b>	<b>1.728.492</b>	<b>10.251.399</b>

(\*) Số CP đại diện.

- Ông Nguyễn Bá Chủ đại diện cho nhóm cổ đông: Châu Thanh, Nguyễn Thị Kim Vân.
- Bà Đặng Huỳnh Úc My đại diện cho: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Ông Trần Tấn Phát đại diện cho: Công ty CP SXTM Thành Thành Công.
- Ông Thái Văn Trọng đại diện cho: Tổng Công ty Mía Đường II - Công ty TNHH Một thành viên (đại diện vốn Nhà nước).

## 2. Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2007 - 2011) gồm 04 thành viên, bao gồm:
  1. Ông Võ Văn Nhu Trưởng Ban Kiểm soát.
  2. Ông Lê Văn Hòa Thành viên Ban Kiểm soát.
  3. Ông Nguyễn Văn Bé Bảy Thành viên Ban Kiểm soát.
  4. Ông Mang Phi Hùng Thành viên Ban Kiểm soát.
- Thù lao và tiền thưởng của các thành viên BKS như sau:

*Đvt: đồng*

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng
1. Võ Văn Nhu	Trưởng ban	78.000.000	55.813.000	133.813.000
2. Lê Văn hòa	Thành viên	54.000.000	32.285.000	86.285.000
3. Nguyễn Văn Bé Bảy	Thành viên	54.000.000	32.285.000	86.285.000
4. Mang Phi Hùng	Thành viên	54.000.000	30.285.000	84.285.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>240.000.000</b>	<b>150.668.000</b>	<b>390.668.000</b>



- Thông tin về tỷ lệ sở hữu cổ phần và giao dịch cổ phiếu:

Họ và tên	Số CP nắm giữ 03/03/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số CP nắm giữ 15/03/2011
1. Võ Văn Nhu	35.522	-	-	35.522
2. Lê Văn hòa	-	-	-	-
3. Nguyễn Văn Bé Bảy (*)	34.320	-	-	34.320
4. Mang Phi Hùng	20.671	-	-	20.671
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.513</b>	-	-	<b>90.513</b>

(\*) Số CP đại diện.

- Ông Nguyễn Văn Bé Bảy đại diện cho: Tổng Công ty Mía Đường II - Công ty TNHH Một thành viên (đại diện vốn Nhà nước).

### 3. Các dữ liệu thống kê về Cổ đông: (tính đến 15/03/2011)

STT	DANH MỤC	Thời điểm 03/03/2010				Thời điểm 15/03/2011			
		Số CD	Số CP	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số CD	Số CP	Giá trị	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>1</b>	<b>2.084.940</b>	<b>20.849.400.000</b>	<b>11,25%</b>	<b>1</b>	<b>2.084.940</b>	<b>20.849.400.000</b>	<b>11,25%</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông sở hữu trên 5% vốn CP</b>	<b>2</b>	<b>3.453.345</b>	<b>34.533.450.000</b>	<b>18,63%</b>	<b>3</b>	<b>6.935.359</b>	<b>69.353.590.000</b>	<b>37,42%</b>
	- Trong nước	2	3.453.345	34.533.450.000	18,63%	3	6.935.359	69.353.590.000	37,42%
	+ Cá nhân	0	0	0	0,00%	1	966.020	9.660.200.000	5,21%
	+ Tổ chức	2	3.453.345	34.533.450.000	18,63%	2	5.969.339	59.693.390.000	32,21%
	- Nước ngoài	0	0	0	0,00%	0	0	0	0,00%
	+ Cá nhân	0	0	0	0,00%	0	0	0	0,00%
	+ Tổ chức	0	0	0	0,00%	0	0	0	0,00%
<b>3</b>	<b>Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% vốn CP</b>	<b>11</b>	<b>5.306.504</b>	<b>53.065.040.000</b>	<b>28,63%</b>	<b>10</b>	<b>5.281.171</b>	<b>52.811.710.000</b>	<b>28,50%</b>
	- Trong nước	11	5.306.504	53.065.040.000	28,63%	8	4.854.101	48.541.010.000	26,19%
	+ Cá nhân	9	4.781.479	47.814.790.000	25,80%	8	4.854.101	48.541.010.000	26,19%
	+ Tổ chức	2	525.025	5.250.250.000	2,83%	0	0	0	0,00%
	- Nước ngoài	0	0	0	0,00%	2	427.070	4.270.700.000	2,30%
	+ Cá nhân	0	0	0	0,00%	0	0	0	0,00%
	+ Tổ chức	0	0	0	0,00%	2	427.070	4.270.700.000	2,30%
<b>4</b>	<b>Cổ đông sở hữu dưới 1% vốn CP</b>	<b>3721</b>	<b>7.686.831</b>	<b>76.868.310.000</b>	<b>41,48%</b>	<b>2838</b>	<b>4.230.150</b>	<b>42.301.500.000</b>	<b>22,83%</b>
	- Trong nước	3539	6.796.538	67.965.380.000	36,68%	2664	3.662.107	36.621.070.000	19,76%
	+ Cá nhân	3.482	6.207.462	62.074.620.000	33,50%	2.607	3.017.722	30.177.220.000	16,28%
	+ Tổ chức	57	589.076	5.890.760.000	3,18%	57	644.385	6.443.850.000	3,48%
	- Nước ngoài	182	890.293	8.902.930.000	4,80%	174	568.043	5.680.430.000	3,07%
	+ Cá nhân	162	336.970	3.369.700.000	1,82%	161	308.684	3.086.840.000	1,67%
	+ Tổ chức	20	553.323	5.533.230.000	2,99%	13	259.359	2.593.590.000	1,40%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.735</b>	<b>18.531.620</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.852</b>	<b>18.531.620</b>	<b>185.316.200.000</b>	<b>100,00%</b>
	- Cổ đông Nhà nước	<b>1</b>	<b>2.084.940</b>	<b>20.849.400.000</b>	<b>11,25%</b>	<b>1</b>	<b>2.084.940</b>	<b>20.849.400.000</b>	<b>11,25%</b>
	- Cổ đông trong nước	<b>3.552</b>	<b>15.556.387</b>	<b>155.563.870.000</b>	<b>83,95%</b>	<b>2.675</b>	<b>15.451.567</b>	<b>154.515.670.000</b>	<b>83,38%</b>
	+ Cá nhân	3.491	10.988.941	109.889.410.000	59,30%	2.616	8.837.843	88.378.430.000	47,69%
	+ Tổ chức	61	4.567.446	45.674.460.000	24,65%	59	6.613.724	66.137.240.000	35,69%
	- Cổ đông nước ngoài	<b>182</b>	<b>890.293</b>	<b>8.902.930.000</b>	<b>4,80%</b>	<b>176</b>	<b>995.113</b>	<b>9.951.130.000</b>	<b>5,37%</b>
	+ Cá nhân	162	336.970	3.369.700.000	1,82%	161	308.684	3.086.840.000	1,67%
	+ Tổ chức	20	553.323	5.533.230.000	2,99%	15	686.429	6.864.290.000	3,70%

Đồng Nai, ngày 14 tháng 04 năm 2011

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**PHẠM THỊ SUM**

*Nơi nhận:*

- UBCK Nhà nước.
- Sở GDCK TP. HCM.
- Lưu.